

Bản án số: 01/2025/HSST

Ngày: 11/7/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-T**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L1.

2. Ông Nguyễn Văn B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn C– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 8- T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8-T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/TLST- HS ngày 23 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Bùi Minh T, sinh ngày 12/10/1980 tại thành phố T, tỉnh Long An; nơi cư trú: Số A, đường N, Phường D, thành phố T, tỉnh L (nay là số A, đường N, phường L, tỉnh T); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Bùi Văn Ú, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1954; Vợ: Lê Thị Hồng P, sinh năm 1984; Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/02/2025 đến ngày 20/4/2025.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Bùi Tiến D, sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: Số C, Quốc lộ F, Phường F, thành phố T, tỉnh L (nay là số C, Quốc lộ F, phường L, tỉnh T).

Bị cáo T có mặt.

Ông D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Minh T là tài xế xe ô tô khách biển số 62B- 013.33 chạy tuyến cố định hai chiều từ bến xe L đến bến xe K. Chủ xe ô tô khách biển số 62B- 013.33 là ông Bùi Tiến D. Ông D giao xe cho T vừa làm tài xế vừa quản lý thu tiền khách.

Vào lúc 13 giờ 35 phút ngày 20/12/2024 T điều khiển xe ô tô khách biển số 62B-013.33 từ bến xe K để rước khách đi đến bến xe L. Đến km 00+900, đường T, ấp M, xã B, thị xã K thì có một người phụ nữ khoảng trên 40 tuổi, nói giọng miền nam, mặc áo khoác màu trắng, sọc ngang, áo trùm kín đầu có đeo khẩu trang, đón xe và thỏa thuận thuê T chở đến bến xe khách Long An số hàng 06 thùng catton màu xám - trắng được dán keo kín miệng thùng bên trong chứa thuốc lá điều nhập lậu (trong đó có 01 thùng carton lớn màu trắng dán keo trong không kín miệng thùng nên T thấy qua khe hở của miệng thùng catton có chứa thuốc lá điều nhãn hiệu JET màu trắng), tiền công 30.000 đồng/thùng, tổng cộng 06 thùng tiền công 180.000 đồng, T đồng ý. Sau đó, T mở cốp thùng xe bên phải ở giữa thân xe rồi đưa 03 thùng carton loại nhỏ bên trong chứa thuốc lá điều nhập lậu vào và đóng cốp lại, T tiếp tục mở cốp thùng xe bên phải gần vị trí bánh xe sau của xe để vào bên trong 03 thùng carton loại lớn có chứa thuốc lá điều nhập lậu. Sau khi nhận thuốc lá xong, người gửi thuốc lá điều nhập lậu có xin số điện thoại của T và hỏi T xe mấy giờ đến bến xe L, T nói khoảng 17 giờ cùng ngày, người gửi thuốc lá điều nhập lậu dặn T đến bến xe L sẽ có người gọi lại để nhận và trả tiền công cho T. Sau đó, T điều khiển xe đến đoạn đường trước Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã K thuộc Khu phố C, Phường A, thị xã K thì bị lực lượng Công an thị xã K ra hiệu lệnh dừng phương tiện, kiểm tra phát hiện bắt giữ.

Tang vật tạm giữ: 2.200 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại gồm: 1.500 bao thuốc lá hiệu Jet và 700 bao thuốc lá hiệu Hero; 01 (một) xe ô tô khách, nhãn hiệu TRANSINCO, loại xe A B80C, màu đỏ - trắng, số máy: D6AV5103996, số khung: RLPTA18VP5A000911, biển số 62B-013,33; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 62B-013.33; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 62B-013.33; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 1:865039068577750, số

IME1 1: 865039068577743, khe sim 1 có găng thẻ sim số 0915794947, khe sim 2 không găng thẻ sim.

Đối với xe ô tô khách biển số 62B-013.33, nhãn hiệu TRANSINCO, loại xe AC B80C, màu trắng đỏ, số máy: D6AV5103996, số khung: RLPTA18VP5A000911 là của Bùi Tiến D, đứng tên chủ sở hữu. Do D bị tai nạn giao thông, không thể đi theo quản lý xe nên D giao xe cho T quản lý, lái xe thu tiền khách đi xe, D không biết T sử dụng xe ô tô khách để vận chuyển hàng cấm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã trả lại xe ô tô khách biển số 62B-013.33 cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định xe cho Bùi Tiến D.

Tang vật hiện còn tạm giữ: 2.200 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại gồm 1.500 bao thuốc lá hiệu Jet và 700 bao thuốc lá hiệu Hero; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen đã qua sử dụng có số IME1 1:865039068577750, SỐ IME1 1: 865039068577743, khe sim 1 có găng thẻ sim số 0915794947, khe sim 2 không găng thẻ sim của Bùi Minh T.

Tại công văn số 235/CV-2024 HHTLVN ngày 26/12/2024 của H xác định 02 mẫu cây thuốc lá điều có nhãn hiệu JET và HERO, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K cung cấp là thuốc lá điều nhập lậu.

Tại cáo trạng số 16/CT-VKSKT ngày 05/5/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh L đã truy tố bị cáo Bùi Minh T về tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (*sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự*).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- T) giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đề nghị:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Bùi Minh T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Minh T mức án tù từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nên đề nghị xử phạt bị cáo T từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 2.200 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại gồm 1.500 bao thuốc lá hiệu Jet và 700 bao thuốc lá hiệu Hero. Trả lại cho bị cáo T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen đã qua sử

dụng có số IMEI 1:865039068577750, số IMEI 1: 865039068577743, khe sim 1 có găng thẻ sim số 0915794947, khe sim 2 không găng thẻ sim của Bùi Minh T.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Bùi Tiến D đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Về án phí hình sự, buộc bị cáo T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận hành vi của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo T đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Ông Bùi Tiến D vắng mặt không có lý do. Xét thấy, ông D đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của ông D không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Minh T trước phiên tòa phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; phù hợp lời khai của người liên quan và phù hợp với nội dung bản cáo trạng nên có cơ sở xác định: Lúc 15 giờ 50 phút ngày 20/12/2024 tại khu phố C, Phường A, thị xã K, lực lượng Công an thị xã K phát hiện Bùi Minh T là tài xế xe ô tô khách biển số 62B-013.33 vận chuyển thuê cho người khác tổng cộng 2.200 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại gồm:

1.500 bao thuốc lá hiệu Jet và 700 bao thuốc lá hiệu Hero. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, không những thể hiện sự coi thường pháp luật mà còn trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh thuốc lá điều. Bị cáo T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, cần phải xử lý hình sự đối với bị cáo T để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính nuôi vợ đang bệnh khối u não và con nhỏ có chính quyền địa phương xác nhận nên được xem xét hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8]. Trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đủ điều kiện hưởng án treo nên có cơ sở chấp nhận ý kiến xin hưởng án treo của bị cáo.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, hoàn cảnh gia đình bị cáo T khó khăn, bị cáo là lao động chính nuôi vợ đang bệnh khối u não và con nhỏ có chính quyền địa phương xác nhận nên miễn hình phạt bổ sung.

[10]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

[10.1]. Việc cơ quan điều tra trả lại xe cho ông D là phù hợp.

[10.2]. 2.200 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại gồm 1.500 bao thuốc lá hiệu Jet và 700 bao thuốc lá hiệu Hero thuộc loại cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy.

[10.3]. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 1:865039068577750, SỐ IMEI 1: 865039068577743, khe sim 1 có găng thẻ sim số 0915794947, khe sim 2 không găng thẻ sim của Bùi Minh T không có liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

[11]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Bùi Tiến D đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nên không xem xét.

[12]. Đối với ông Bùi Tiến D không liên quan đến vụ việc nên không có căn cứ xử lý hình sự.

[13]. Đối với đối tượng là người phụ nữ thuê T vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu nhưng không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành rà soát, truy tìm nhưng chưa có kết quả, không đủ cơ sở truy xét, làm rõ nên hội đồng xét xử không xem xét.

[14]. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15]. Hầu hết đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K về việc xử lý vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đề nghị xử phạt bổ sung do xem xét hoàn cảnh bị cáo T nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, tuyên bố: Bị cáo Bùi Minh T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Minh T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Minh T cho Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T.

Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Bùi Minh T.

4. Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu, tiêu hủy 2.200 (hai ngàn hai trăm) bao thuốc lá điều nhập lậu các loại gồm 1.500 (một ngàn năm trăm) bao thuốc lá hiệu Jet và 700 (bảy trăm) bao thuốc lá hiệu Hero.

4.2. Trả lại cho bị cáo Bùi Minh T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 1:865039068577750, số IMEI 1:865039068577743, khe sim 1 có găng thẻ sim số 0915794947, khe sim 2 không găng thẻ sim của Bùi Minh T.

Theo quyết định chuyển vật chứng số 14/QĐ-VKSKT ngày 05/5/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường (nay là Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8- T).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

6. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Bùi Minh T có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Tiến D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND khu vực 8 – T;
- CQCSĐT Công an tỉnh T;
- Phân trại tạm giam khu vực K;
- Phòng THADS khu vực 8- T;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L

